TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DS-PT
Ngày 05/02/2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Quốc

Bà Trần Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Kim T**, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Số 00, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Văn S**, sinh năm: 1982 (Giấy ủy quyền ngày 25/4/2023). (Có mặt).

Địa chỉ: Số 00, khu dân cư tổ 0, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Phan Thúy H**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 00, đường A, khu dân cư P, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Minh Hoan H1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 00, ấp, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 29/11/2023). (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Phạm Văn L**, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Số 00 đường N, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

3.2. Ông **Lê Hoàng K**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Số 00, đường A, khu dân cư P, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Ông Trần Minh Hoan H1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 00, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 29/11/2023).

Người kháng cáo: Bà Phan Thúy H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Võ Kim T có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn S trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 08/12/2021, bà Võ Kim T có cho bà Phan Thúy H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đem thế chấp cho ông Phạm Văn L để vay tiền, bà H có ký cam kết trong thời hạn 06 tháng sẽ trả nợ cho ông L số tiền 835.500.000 đồng (Tám trăm ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03426 do Ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp ngày 21/01/2013 cho bà T, tại phần đất có diện tích 80m^2, thửa số 5108, tờ bản đồ số 1 thuộc Khu dân cư Phú An, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn cam kết nhưng bà H vẫn không trả nợ cho ông L để lấy lại giấy đất trả cho bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà H và ông L có nghĩa vụ liên đới trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

- Bị đơn bà Phan Thúy H trình bày:

Trước đây do mối quan hệ quen biết giữa bị đơn với bà Võ Kim T nên bị đơn biết bà T có vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân Nam Cần Thơ với số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Do lãi suất quá cao nên bà T nhờ bị đơn tìm chỗ khác có lãi suất thấp hơn để bà T vay nên bị đơn có giới thiệu cho bà T vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là VIB) – Chi nhánh Cần Thơ với số tiền là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Sau đó, ông T1 và ông V (Giám đốc) có xuống nhà bà T bàn bạc với nhau và đồng ý cho vay 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), ông T1 đã đem 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) chuyển cho Quỹ tín dụng nhân dân Nam Cần Thơ để lấy giấy tờ nhà đất của bà T về VIB và có chia lại cho bị đơn 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất mỗi tháng là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, để vay được tiền,

Ngân hàng buộc bị đơn phải ký giấy nhận nợ và giấy cam kết trả nợ thay cho bà T thì VIB mới cho vay. Vì vậy, bị đơn đã ký giấy tờ theo yêu cầu của VIB để trả nợ thay cho bà T số tiền là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Nay hoàn cảnh của bị đơn rất khó khăn nên bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền mà bị đơn đã nhận là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) chứ bị đơn không có nhận 900.000.000 đồng của VIB. Đối với số nợ của ông Phạm Văn L đã trả cho VIB 835.500.000 đồng (Tám trăm ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) thì bị đơn không biết và cũng không có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, đây là nợ riêng của bị đơn với nguyên đơn nên ông Lê Hoàng K (chồng của bị đơn) hoàn toàn không biết việc vay nợ này nên không yêu cầu ông K phải liên đới chịu trách nhiệm với bị đơn trả nợ, vì không có liên quan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ông Phạm Văn L trình bày và yêu cầu tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 27/4/2023 và trong quá trình tố tụng:

Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 08/12/2021, bà Phan Thúy H có vay của ông số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) với lãi suất là 0.8%/tháng và thời hạn vay là 06 tháng. Việc vay tiền có lập giấy biên nhận nợ ngày 08/12/2021 và bà H có thế chấp cho ông một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03426 do Ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp ngày 20/01/2013 đứng tên bà Võ Kim T tại phần đất có diện tích 80m^2, thửa 5108, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại G89, khu vực Thạnh Thới, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (là căn nhà bà Võ Kim T đang quản lý và sử dụng).

Đến ngày 29/12/2021, bà H tiếp tục vay thêm của ông số tiền 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) với lãi suất như thỏa thuận ban đầu là 0,8%/tháng và thời hạn trả tiền nợ gốc là 06 tháng kể từ ngày vay. Việc vay tiền lần sau được ghi thêm trong giấy biên nhận nợ ngày 08/12/2021. Từ khi vay đến nay, bà H chỉ trả cho ông được 03 tháng tiền lãi, tổng cộng 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng) thì ngưng trả cho đến nay, mặc dù ông đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu vợ chồng bà H trả nợ, nhưng bà H chỉ hứa hẹn, cố tình không trả.

Ông yêu cầu bà H và ông K có nghĩa vụ trả cho ông số nợ gốc là 835.500.000 đồng (Tám trăm ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi theo thoả thuận, tạm tính đến ngày 27/4/2023, sau khi trừ đi 03 tháng tiền lãi bị đơn đã đóng 21.000.000 đồng nên tiền lãi còn nợ lại là: 163.352.000 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng). Tổng vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/4/2023 là: 998.852.000 đồng (Chín trăm chín mươi tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Do hoàn cảnh bà H khó khăn, tại phiên tòa sơ thẩm, ông L đồng ý giảm một phần tiền lãi, yêu cầu bà H trả tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/7/2023 là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Đồng thời, ông cũng xin rút một phần yêu cầu độc lập về việc không buộc ông K cùng liên đới với bà H trả nợ cho ông.

+ Ông Lê Hoàng K trình bày tại Bản tự khai ngày 17/4/2023:

Việc vay nợ giữa bà T, bà H và ông L thì ông hoàn toàn không biết nên đây không phải là nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, ông không đồng ý liên đới với bà H để trả số nợ. Nếu bà H có vay nợ thì bà H tự chịu trách nhiệm trả nợ, không có liên quan gì đến ông. Do ông bận công việc nên ông xin được vắng mặt trong tất cả các phiên họp và khi xét xử vụ án tại Tòa án các cấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim T.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn L.

Buộc bà Phan Thúy H có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn L tổng số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/7/2023 là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 835.500.000 đồng (Tám trăm ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Tiền lãi: 64.500.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Tiền lãi phát sinh sẽ tính tiếp từ ngày 19/7/2023 đến khi bà Phan Thúy H trả hết số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) cho ông Phạm Văn L theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn L về việc trả lại cho bà Võ Kim T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03426 do Ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp ngày 20/01/2013 đứng tên bà Võ Kim T.

+ Thời hạn và phương thức thanh toán, giao trả tài sản sẽ do Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ điều chỉnh.

Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn L về việc buộc ông Lê Hoàng K có nghĩa vụ liên đới với bị đơn bà Phan Thúy H để trả nợ cho ông Phạm Văn L do ông L đã rút một phần yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 01/8/2023, bị đơn bà Phan Thúy H kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng: sửa bản án sơ thẩm, bà không có trách nhiệm phải trả số tiền gốc và lãi 900.000.000 đồng theo yêu cầu của ông L, vì bà không có vay tiền của ông L, bà chỉ có nợ bà T 50.000.000 đồng. Bà cho rằng, vì là chỗ quen biết

nên bà mới ký biên nhận nợ cho ông Phạm Văn L để chuộc giấy đất trong Ngân hàng VIB ra dùm bà T, thực tế bà không có nhận tiền của ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thúy H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông L, vì cho rằng không có vay tiền của ông L. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Phạm Văn L thống nhất như bản án sơ thẩm tuyên xử.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả nợ theo nội dung "Giấy biên nhận" vay tiền mà bị đơn đã ký với ông Phạm Văn L là phù hợp. Bị đơn kháng cáo nhưng không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên là ông Phạm Văn L thì đây vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng 900.000.000 đồng theo yêu cầu của ông Phạm Văn L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo nội dung "Giấy biên nhận" vay tiền được ký kết giữa bên vay bà Phan Thúy H với bên cho vay là ông Phạm Văn L thì bà H có thế chấp cho ông L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bà Phan Kim Trợ đứng tên, địa chỉ: số G89, Khu dân cư 586, phường Phú Thứ, quận Cái Răng để vay tiền của ông L 02 lần:

Lần 1: Vay số tiền 700.000.000 đồng vào ngày 08/12/2021, lãi suất thỏa thuận 0,8%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng.

Lần 2: Vay 135.500.000 đồng vào ngày 29/12/2021, không ghi lãi suất, nhưng theo ông L trình bày, tiền lãi tính mức 0,8%/tháng như lần vay ban đầu, thời hạn vay là 06 tháng kể từ khi vay.

Như vậy, qua 02 lần vay tiền thì số tiền tổng cộng mà bà H vay của ông L là 835.500.000 đồng. Tờ "Giấy biên nhận" vay tiền 02 lần như nêu trên còn có bà Võ Kim T tham gia ký tên với tư cách là người làm chứng.

Theo ông L trình bày, từ khi vay, bà H chỉ trả cho ông được 03 tháng tiền lãi tổng cộng là 21.000.000 đồng, sau đó thì ngưng cho đến nay. Bị đơn (có người đại diện theo ủy quyền) không thừa nhận việc bị đơn có vay tiền của ông L và cho rằng: bà T vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân Nam Cần Thơ 600.000.000 đồng, vì lãi

suất cao nên bị đơn giới thiệu cho bà T vay tiền của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) – Chi nhánh Cần Thơ số tiền 900.000.000 đồng và sau đó, bà T có chia lại cho bị đơn vay 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2.500.000 đồng/50.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, lời khai này của bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh. Bị đơn còn cho rằng, khi vay tiền, Ngân hàng buộc bị đơn phải ký giấy nhận nợ và giấy cam kết trả nợ thay cho bà T thì Ngân hàng VIB mới cho bà T vay, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà T là người có tài sản thế chấp vay tiền và việc bà H có cam kết, bảo lãnh cho bà T vay tiền Ngân hàng hay không thì cũng không làm ảnh đến việc bà H vay tiền của ông L theo nội dung "Giấy biên nhận" vay tiền như nêu trên. Đồng thời, tờ "Giấy biên nhận" vay tiền không có nội dung nào thể hiện, ông L cho bà T vay tiền để chuộc giấy đất từ Ngân hàng đang giữ, bà T chỉ ký tên với tư cách làm chứng, còn bên vay tiền của ông L là bà H.

[3] Bà T vay tiền của Quỹ tín dụng và sau này vay của Ngân hàng thì việc bà T có đưa cho bà H sử dụng tiền vay như thế nào giữa hai người tự tính toán với nhau về nghĩa vụ trả nợ, nếu có tranh chấp về khoản vay này sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Theo nội dung "Giấy biên nhận" vay tiền được ký kết giữa bà H với ông L thì bà H là bên vay tiền của ông L và phải chịu trách nhiệm trả nợ đối với số tiền vay và lãi suất theo thỏa thuận. Tuy nhiên, bà H không trả nợ gốc (tổng cộng 835.000.000 đồng) và tiền lãi đầy đủ cho ông L khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Lãi suất cho vay được ghi nhận tại "Giấy biên nhận" vay tiền giữa bà H với ông L là 0,8%/tháng, không vượt quá mức lãi suất cho vay theo quy định pháp luật và ông L cũng tự nguyện giảm bớt một phần tiền lãi cho bà H. Vì vậy, cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu của ông L, buộc bà H phải trả nợ gốc và lãi tổng cộng số tiền 900.000.000 đồng cho ông L đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Do bà H không trả nợ cho ông L theo cam kết để ông L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Xét việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T đứng tên cho ông L cũng là không đúng quy định pháp luật nên việc ông L giữ giấy đất của bà T sẽ gây cản trở việc bà thực hiện các quyền của chủ sử dụng đất (giao dịch liên quan đến tài sản). Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L cũng tự nguyện giao trả lại cho bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp.

[5] Cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như được nhận định nêu trên là phù hợp. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phúc thẩm tại phiên tòa.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn chấp nhận nên phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim T.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn L.

Buộc bà Phan Thúy H có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn L tổng số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/7/2023 là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), trong đó: nợ gốc: 835.500.000 đồng và tiền lãi: 64.500.000 đồng.

Ngoài ra, bà H còn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh do không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ 900.000.000 đồng như nêu trên kể từ ngày 19/7/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho ông L theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông L về việc trả lại cho bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03426, do Ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp ngày 20/01/2013 đứng tên bà Võ Kim T.

Thời hạn và phương thức thanh toán, giao trả lại tài sản sẽ do cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền điều chỉnh.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn L về việc buộc ông Lê Hoàng K có nghĩa vụ liên đới với bà H trả nợ cho ông L, do ông L rút yêu cầu.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phan Thúy H phải có trách nhiệm nộp số tiền 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Ông Phạm Văn L được nhận lại 20.982.780 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003112 ngày 27/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

4/. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Phan Thúy H phải chịu số tiền 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003356 ngày 11/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (bà H đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Chi Cục THADS Q. Cái Răng;
- TAND Q. Cái Răng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Bảo Anh